

ĐỐI THOẠI VĂN HÓA GIỮA VIỆT NAM VÀ ẤN ĐỘ

CAO XUÂN PHỔ*

I. MỘT SỐ SỰ KIỆN VĂN HOÁ ĐÁNG LƯU Ý

Nửa sau thế kỷ hai công nguyên, hai thiên sư Ấn Độ Mahajavaka và Kalyanacuri đến Việt Nam. Kalyanacuri trụ trì Chùa Dâu (Bắc Ninh) kết hợp với tín ngưỡng bản địa Tứ Pháp (Vân, Vũ, Lô, Điện) khởi xướng đạo Phật ở Việt Nam.

Đầu thế kỷ 3 công nguyên, Khương Tăng Hội (K'ang-seng-huei), gốc Sogdiane, theo gia đình di cư sang Ấn Độ, rồi sang Giao Châu (Việt Nam), học đạo ở đây trở thành thiên sư lỗi lạc và dịch bộ kinh Astasahasika (Bát Thiên tụng Bát Nhã) với chủ đề Sunyata (Chân không) mà Nagarjuna (Long Thụ, thế kỷ 2,3 CN) đã từ đó để phát triển thuyết Madhyamaka (trung luận) nổi tiếng, có ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ Thiên học nổi tiếng cũng như toàn bộ Phật giáo Việt Nam nói chung, đặc biệt Phật giáo thời Lý - Trần (thế kỷ 12 - 13).

Thế kỷ 5 CN, có những nhà sư người Việt uyên thâm về đạo Thiên sang Trung Quốc giảng dạy, như cao tăng Huệ Thắng, Đạo Thiên hay những vị vừa thông tuệ Phật lý, vừa uyên bác Nho học, như Đạo Cao, Pháp Minh, đối thoại với thứ sử Giao Châu về Phật đạo.

Cuối thế kỷ 6 CN, Vinitaruci, thiên sư Ấn Độ, sang Giao Châu (Việt Nam) lập ra Thiên phái đầu tiên ở Việt Nam, triển khai quan điểm Bát bất (eight negations) của Long Thụ. Thiên phái này tồn tại đến đầu thế kỷ 13 với 19 thế hệ.

Đầu thế kỷ 11 CN, Thiên Sư Sùng Phạm, thế hệ thứ 11 phái Vinitaruci, sang Ấn Độ học Phật đạo 9 năm, về nước phát triển khuynh hướng Mật tông (Tantrism) vốn đã xuất hiện từ thế kỷ 10. Rồi nhiều nhà sư Mật Tông, Ấn Độ khác như Yogibrahman (thế kỷ 13), Bodhisri (thế kỷ 14) sang Việt Nam, được triều đình nhà Trần trọng thị.

* PGS. Cao Xuân Phổ, Hội Khoa học Đông Nam Á.

Những quan hệ buổi đầu đó giữa Ấn Độ - Việt Nam được thực hiện một cách hòa bình thông qua buôn bán trao đổi theo sóng nước của biển cả, đại dương. Trước hấp lực của Đất vàng (Suvannabhumi) và hương liệu ở Đông Nam Á, thương nhân Ấn dong buồm ra biển khơi mời theo các sư tăng cùng đi để cầu nguyện an lành khi sóng to bão lớn. Họ thường mang theo tượng Phật Dipamkara (Nhiên Đăng) là vị Phật quan trọng nhất trong các vị Phật trước Thích Ca Mâu Ni, và tượng Bồ tát Avalokitecvara (Quan Âm) nổi tiếng với lòng từ bi, cứu khổ cứu nạn, một Bồ tát tiêu biểu của dòng Mahayama (Đại Thừa) và Tịnh Độ Tông (Pureland). Các tăng sĩ Ấn Độ vào đầu công nguyên cũng rất có thể từ Trung Ấn theo đường bộ qua đèo Ba Chùa (Three Pagodas Pass) vào châu thổ Menam Chao Phaya, vượt sông Mekong vào đất Lào rồi vượt Trường Sơn mà vào Thanh Hóa, Nghệ An, Huế.

Như vậy, ngay từ buổi đầu văn hoá Ấn Độ đã được lan toả sang Việt Nam trong không khí hòa bình theo con đường tâm thức dưới cả ba hình thái: Thiên tông, Tịnh độ tông, Mật tông. Hòa bình và tâm thức thiện chí là điều kiện cơ bản trong giao lưu văn hoá để đạt được tính đa dạng văn hoá mong muốn như đã diễn ra trong tiến trình lịch sử Việt Nam.

II. DIỆN ĐỐI THOẠI VĂN HÓA VIỆT NAM - ẤN ĐỘ TRONG LỊCH SỬ

Trong quan hệ văn hoá Việt Nam - Ấn Độ thì Việt Nam nhận vào nhiều hơn là phát ra. Phần nhận đậm nét nhất có thể nói là đạo Phật. Đạo Phật đã có một tác động mạnh mẽ xuyên suốt trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của người Việt 2000 năm qua. Dù thuộc tông phái nào thì Phật giáo cũng lấy lời thuyết giảng đầu tiên của Đức Phật ở Lộc Uyển (Deer Park), sau khi Người đã chứng ngộ, về Tứ Diệu Đế (Four Noble Truths) và Bát Chính Đạo (Eightfold Path) làm giáo nghĩa gốc. Đức Phật dạy rằng tất cả nhân loại đều chịu khổ, cả thể chất lẫn tinh thần. Nguyên nhân của cái khổ đó thì mỗi con người phải tự giải thoát cho mình. Về sau, đạo Thiên đã phát triển tinh thần tự giải thoát này trong mệnh đề nổi tiếng: "... Trục chỉ nhân tâm kiến tính thành Phật". Chân lý không nằm ở đâu xa ngoài ta mà chính là ở ngay trong tâm mỗi con người, cái tâm thanh tịnh không bị xao động. Lời dạy đó của Đức Phật và tác động của đạo Thiên đã thấm sâu vào tâm thức người dân Việt ở mọi thời đại. Họ đã vận dụng tư tưởng tự lực giải thoát như một "phép màu" để vượt qua mọi gian nan thử thách trong lịch sử.

Là cư dân của một nước nhỏ bé nhưng trong ngót 2000 năm tồn tại, người dân Việt đã phải đương đầu với không ít hơn 12 đợt xâm lược của những đạo quân hung hãn vào bậc nhất thời bấy giờ (Tần, Hán, Lương, Tùy, Đường, Nam Hán, Tống, Nguyên, Minh, Thanh rồi Pháp, Mỹ). Và họ đã thắng lợi rực rỡ vì biết gắn liền tinh thần tự lực tự cường

với vận mệnh của đất nước, với tình cảm thiêng liêng đối với đất nước. Sự gắn bó đó đã trở thành một hằng số trong tâm thức người Việt mọi thời đại, nó sống mãi trong lòng người dân Việt.

Là một nước nhỏ bé mà phải đối mặt với sự du nhập liên tiếp của các nền văn minh lớn trên thế giới (Trung Hoa, Ấn Độ, Trung Đông, Phương Tây) và các tôn giáo lớn trên thế giới (Nho, Phật, Lão, Hồi, Thiên chúa, Tin lành), nếu cứ khăng khăng gạt bỏ hay đồng hóa với mọi ảnh hưởng ngoại lai mà không biết tùy theo điều kiện cụ thể của mình để tiếp thu có chọn lọc mà tự nâng cao mình lên thì có lẽ Việt Nam không còn là Việt Nam như ngày nay nữa. Đó chính là tính cách và bản lĩnh của văn hóa Việt Nam. Tinh thần không kỳ thị mà thích nghi và tiếp thu có chọn lọc chính là đạo lý cơ bản của Đức Phật trên con đường đi tìm Chứng ngộ. Và đó cũng là những đặc điểm tiêu biểu của văn hoá Ấn Độ trong suốt chiều dài lịch sử, từ thời văn minh sông Ấn, qua các thời kỳ Ấn-Aryan, Ấn-Ba Tư-Hy Lạp, Maurya, Kusan, Gupta, Ấn-Hồi, Ấn-Mogol, Ấn-Anh cho đến thời giành được độc lập hoàn toàn (15-8-1947) và phát triển như ngày nay. Có thể thấy một sự “đồng điệu” nào đó giữa sự phát triển văn hoá Ấn Độ và Việt Nam, đồng điệu ở cách biết tiếp thu có chọn lọc những yếu tố ngoại lai để đa dạng văn hóa, làm phong phú thêm nền văn hoá bản địa vì lợi ích của đất nước. Nếu có gì khác chẳng thì chỉ khác ở sắc thái.

Trong khi Ấn Độ tiếp biến (acculturation) những yếu tố Aryan, Ba Tư, Hy Lạp, Hồi, Mogol, Anh để càng làm rực rỡ thêm nền văn minh cổ vĩ đại của mình với những tuyệt tác nghệ thuật như tháp Bharhut, Sanchi, điêu khắc - bích họa Ajanta, đền Khajuraho, pho tượng đồng độc nhất vô nhị Siva Nataraja, tháp Qutb Minar, Lăng mộ Taji Mahall... và những tên tuổi lừng danh thế giới như Harsa Vardama, Chandra Gupta, Rabrindanath Tagore, Mahatma Gandhi, Prem Cand, Jawaharlal Nehru... thì Việt Nam trên cơ sở lòng gắn bó thiêng liêng với đất nước bền vững, sắt son đã tiếp nhận đạo Phật từ cả Ấn Độ và Trung Quốc; đạo Nho, đạo Lão, đạo Bà la môn, đạo Thiên chúa, đạo Tin lành để làm cho nền văn hoá Đông Sơn rực rỡ, nền văn minh sông Hồng toả sáng khắp đất nước tạo ra sức mạnh tổng hợp đánh thắng mọi cuộc ngoại xâm hung hãn của mọi thời đại và xây dựng một đất nước xã hội chủ nghĩa hòa bình ổn định. Những danh thắng và di tích lịch sử như sông Bạch Đằng, ải Chi Lăng, Điện Biên Phủ, Thăng Long - Hà Nội, kinh thành Huế, chùa Hương Tích, núi Yên Tử... là niềm tự hào to lớn của người dân Việt. Những tên tuổi như Hai Bà Trưng, Lý Phật Tử, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Huệ, Quang Trung, Hồ Chí Minh... đã trở thành thiêng liêng trong tâm khảm mọi người dân... Những nếp đình làng, chùa Phật, quán Đạo, đền Mẫu... ẩn hiện sau lũy tre làng với lễ hội quanh

năm là nơi để người dân Việt Nam gửi gắm đời sống tâm linh của mình.

Ngày nay vẫn còn có thể thấy rõ những biểu hiện đậm nét của quá trình đối thoại văn hóa giữa Việt Nam và Ấn Độ vì hòa bình và phát triển khi chẳng hạn ta đến thăm một ngôi chùa Phật ở miền Bắc Việt Nam. Ở đây có đủ các loại tượng Phật, Bồ tát (Bodhisattva), La hán (Arhat) của đạo Phật Đại thừa (Mahayana) và Tiểu thừa (Hinayana) với những thủ ấn (mudra) đặc trưng của đạo Phật Ấn Độ, có tượng thiên thần Ấn Độ giáo như Indra, Brahma, garuda, naga, apsara, kinnari... có tượng thần bản địa như Đức Ông (Monastery Patron), Thánh Mẫu (Mather Goddess), Thổ địa (Local deity), Giám trai (Kitchen God), tượng Hậu (donators)... Và có thể quan sát thấy sự đối thoại văn hoá đã được mở rộng trong tâm thức mọi người dân. Tứ đại vô lượng – Từ, Bi, Hỷ, Xả – của nhà Phật kết hợp với Ngũ Thường – Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín – của đạo Nho làm thành nền tảng đạo lý của mọi người dân Việt Nam.

Cũng có thể cảm nhận mối tương đồng văn hoá trong tâm thức Ấn - Việt mà hẳn là đã qua một quá trình chùng cất lâu dài từ thửa xa xưa nào đó khi đọc chuyện thần thoại Ấn. Ví như thần Indra được đồng nhất với Ngọc Hoàng Thượng đế, Đế Thiên Đế Thích, Bồ tát Kim Cương ở Việt Nam, kỳ tích của Rama làm ta liên tưởng Lạc Long Quân hay Phù Đổng Thiên Vương, tích chuyện chiến đấu giữa Indra với Krisna hao hao chuyện Sơn Tinh - Thủy Tinh

của người Việt, Varuna cũng như thế Long Vương, Thủy Tề, Hà Bá; quan niệm “Người ta là hoa đất” cũng giống như Sita trở về lại với lòng đất sau khi bị Rama ruồng bỏ và hình tượng Sita đã được dựng trên sân khấu cổ truyền Việt Nam, Yama lại quá gần với Diêm Vương. Rùa trong thần thoại Ấn Độ tượng trưng cho vũ trụ, là nguồn gốc của mọi của cải vật chất và tinh thần, là cái trụ để thần và quỷ đặt núi Mandara lên mà khuấy biển sữa để tìm lại mọi thứ quý giá đã được người dân Việt trân trọng dùng làm bệ đỡ cho các tấm bia vua chúa, tiến sĩ thời xưa như có thể thấy ở Văn Miếu hiện nay.

Có thể kể ra nhiều sự thể khác tương tự để minh chứng cho sự giao thoa văn hoá Ấn - Việt đã diễn ra từ lâu đời trong tâm thức Ấn - Việt, có nghĩa là trong hòa bình, làm cho văn hoá Việt Nam càng thêm đa dạng. Cũng có thể nghĩ rằng mối tương đồng đó là bắt nguồn từ cái thiêng (the sacred) trong cuộc sống, vốn là cái lõi của mọi tín ngưỡng và tôn giáo. Cái thiêng nói lên mối quan hệ, một mặt giữa con người, cá nhân và cộng đồng, với cái uy lực vô hình siêu nhiên, và mặt khác giữa con người, cá nhân và cộng đồng với nhau. Cái thiêng trong cuộc sống, tự bản thân nó, đưa con người xích lại gần nhau. Có thể nhận ra được điều đó trong các sinh hoạt lễ hội dân gian của các dân tộc, đặc biệt là giữa Ấn Độ và Việt Nam nói riêng và các nước Đông Nam Á nói chung. Hầu hết các lễ hội truyền thống Ấn Độ và Việt Nam, và cả ở Đông Nam Á, đều bao gồm

4 bộ môn kết hợp: thơ ca, âm nhạc, nhảy múa và tích diễn, đặc biệt là âm nhạc và nhảy múa, tuy có khác nhau về sắc thái song đều quy tụ vào một mục tiêu chung là nhằm khơi dậy cái thiêng trong con người, dẫn dắt cái thiêng theo một định hướng ấn định. Nếu như nhảy múa tác động trực tiếp đến các giác quan thì âm nhạc tác động sâu lắng vào tâm hồn. Có thể nói chính cái thiêng trong cuộc sống đã liên kết văn hoá Việt Nam và Ấn Độ ngay từ buổi đầu và đặt nền tảng cho mối quan hệ giữa hai dân tộc. Có thể chứng thực điều đó cả trong thời hiện đại.

III. ĐỐI THOẠI VĂN HOÁ VIỆT - ẤN TRONG THỜI HIỆN ĐẠI

Xin trở lại với một số sự kiện đáng lưu ý:

- 1927: Cuộc gặp gỡ giữa Matilan Nehru và Nguyễn Ái Quốc ở Bruxelles trong "Hội những người bị áp bức ở các nước thuộc địa" đã đặt những viên gạch đầu tiên cho quan hệ đoàn kết giữa hai dân tộc thời hiện đại.

- 21-1-1947 "Ngày Việt Nam" được tổ chức tại Ấn Độ đối với lời kêu gọi "Toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hai sinh viên Ấn Độ đã ngã xuống trong cuộc biểu tình chống Pháp ủng hộ Việt Nam ở Calcuta.

- 30-1-1948: Mahatma Gandhi, lãnh tụ lỗi lạc của Ấn Độ qua đời. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tổ chức lễ truy điệu trong thể ở nhiều nơi và gửi điện chia buồn tới Chính phủ và nhân dân Ấn Độ.

- 17-10-1954: Thủ tướng Jawaharlal Nehru chính thức đến thăm Hà Nội ngay sau khi thủ đô Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới được giải phóng một tuần.

- 8-4-1955: Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng thăm Ấn Độ

- 2-1965: Chính phủ Ấn Độ chính thức đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam (trong hoàn cảnh Việt Nam còn bị chia cắt).

- 2-1958: Chủ tịch Hồ Chí Minh chính thức đến thăm Ấn Độ.

- 1969: Khi Chủ tịch Hồ chí Minh qua đời, chính quyền Tây Bengal và Hội đồng thành phố Calcuta quyết định đổi tên phố Harington (nơi đặt các cơ quan lãnh sự Anh-Mỹ) thành tên phố Hồ Chí Minh.

- 24-4-1972: Ấn Độ là nước đầu tiên ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa tố cáo mạnh mẽ việc Mỹ dùng máy bay B52 ném bom rải thảm xuống Hà Nội.

- 1977: "Hội Hữu nghị Ấn Độ - Việt Nam" được thành lập, ủng hộ tích cực Việt Nam gia nhập liên Hợp Quốc.

- 1978: Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam thăm chính thức Ấn Độ. Nhiều hiệp định hợp tác về khoa học - kỹ thuật và nông nghiệp, nghị định thương mại, tín dụng và trao đổi văn hoá giữa hai nước được ký kết trong dịp này.

Từ bấy, nhiều cuộc liên hoan phim Việt Nam do Ấn Độ tổ chức tại các thành phố lớn, những đoàn nghệ thuật Việt Nam sang Ấn Độ cũng như những đoàn ca vũ Ấn Độ sang Việt Nam biểu

diễn và phim Ấn Độ chiếu ở Việt Nam đã làm nhân dân hai nước hiểu biết văn hoá của nhau càng sâu đậm hơn.

- 5-2003: Nhân dịp Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh thăm chính thức Ấn Độ, hai bên đã ra Tuyên bố chung về Khuôn khổ hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Ấn Độ bước vào thế kỷ 21 nhằm củng cố và phát triển sự hợp tác cả chiều rộng lẫn chiều sâu mang tính chiến lược.

- 10-2004: Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ Natwar Singh thăm Việt Nam đã phát biểu là quan hệ hữu nghị truyền thống và hợp tác toàn diện giữa Ấn Độ và Việt Nam cần được tiếp tục phát triển nhằm đáp ứng nguyện vọng của nhân dân hai nước.

Trong dịp này, Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch Việt Nam Võ Thị Thắng đã hội đàm với Bộ trưởng Du lịch Ấn Độ Chahuri về kế hoạch mở đường bay trực tiếp Việt Nam - Ấn Độ với tần suất 20 chuyến/tháng. Và Chính phủ Ấn Độ cũng đã cam kết sớm bỏ rào cản về thị thực nhập cảnh đối với Việt Nam và tạo

mọi điều kiện thuận lợi cho du khách Ấn tới Việt Nam.

Như vậy, tiến trình đối thoại văn hoá giữa Việt Nam và Ấn Độ vì hòa bình và phát triển bền vững đã diễn ra liên tục từ lâu đời đến tận ngày hôm nay từ trong tâm thức đến những biểu hiện, hành động cụ thể, từ trong dân chúng đến giới cầm quyền các thời đại. Đối thoại văn hoá Ấn Độ - Việt Nam không chỉ làm tăng thêm tính đa dạng văn hoá của mỗi dân tộc mà còn là một đảm bảo vững chắc cho việc chung sống hòa bình giữa hai dân tộc. Có thể nói đây là một mẫu hình đẹp đẽ trong đối thoại văn hoá, nhất là trong tình hình hiện nay khi toàn cầu hóa đang tăng tốc, văn hoá các dân tộc đang đứng trước nguy cơ “bị nhất thể hóa” bởi sức mạnh kinh tế quân sự của các siêu cường.

Mong rằng tiến trình đối thoại văn hoá này sẽ ngày càng được thúc đẩy mạnh mẽ hơn “cả chiều rộng lẫn chiều sâu mang tính chiến lược” như phát biểu của Tổng bí thư Nông Đức Mạnh, và cũng để như lời phát biểu của ngoại trưởng Ấn Độ - “đáp ứng nguyện vọng của nhân dân hai nước”.